

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2010, thay đổi lần thứ ba ngày 27/01/2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 18/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 4 năm 2015)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 4456 8888 Fax: (84-4) 3978 5380

Website: <https://ibx.vn>

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: ...

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Trụ sở chính: Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3386 8243 Fax: (84-4) 3386 8243

Website: www.sicco.com.vn; www.sicco.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Ông Nguyễn Công Hùng

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điện thoại: (84-4) 3386 8243

Fax: (84-4) 3386 8243

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2010, thay đổi lần thứ ba ngày 27/01/2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

- ❖ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
- ❖ Mã chứng khoán: SCI (sàn UPCOM)
- ❖ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng phát hành: 5.000.000 cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị phát hành: 50.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
- ❖ Đối tượng phát hành:
 - Chào bán cho cổ đông hiện hữu 4.250.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 100:85
 - Phát hành thêm 500.000 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu là 10:1 (tỷ lệ tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 10%)
 - Chào bán cho cán bộ công nhân viên 250.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (chương trình ESOP)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 4456 8888 Fax: (84-4) 3978 5380

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3783 2121 Fax: (84-4) 3783 2122

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro pháp luật	9
3. Rủi ro đặc thù	10
4. Rủi ro của đợt chào bán	11
5. Rủi ro pha loãng	12
6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc quy mô công ty tăng nhanh dự kiến từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng năm 2014 – 2015	14
7. Rủi ro khác	15
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	16
1. Tổ chức phát hành	16
2. Tổ chức tư vấn	16
III. CÁC KHÁI NIỆM	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	18
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	18
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	22
3. Bộ máy quản lý của Công ty	22
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty	24
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	26
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	27
7. Hoạt động kinh doanh	27
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	37
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	39
10. Chính sách đối với người lao động	41
11. Chính sách cổ tức	47

12.	Tình hình tài chính	48
13.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	54
14.	Tài sản	70
15.	Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm tiếp theo	71
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	71
17.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành	75
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	75
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	76
1.	Loại cổ phiếu	76
2.	Mệnh giá.....	76
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	76
4.	Giá bán dự kiến	76
5.	Phương pháp tính giá:	76
6.	Phương thức phân phối.....	77
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu	79
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	81
9.	Phương thức thực hiện quyền	82
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	83
11.	Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng	83
12.	Các loại thuế có liên quan	83
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	84
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	85
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	85
1.	Nguồn vốn thực hiện đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ	85
2.	Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	86
3.	Chi tiết kế hoạch sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán	89
4.	Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến..	89
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	90

1.	Tổ chức kiểm toán.....	90
2.	Tổ chức tư vấn	90
IX.	PHỤ LỤC	92

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán của Công ty.

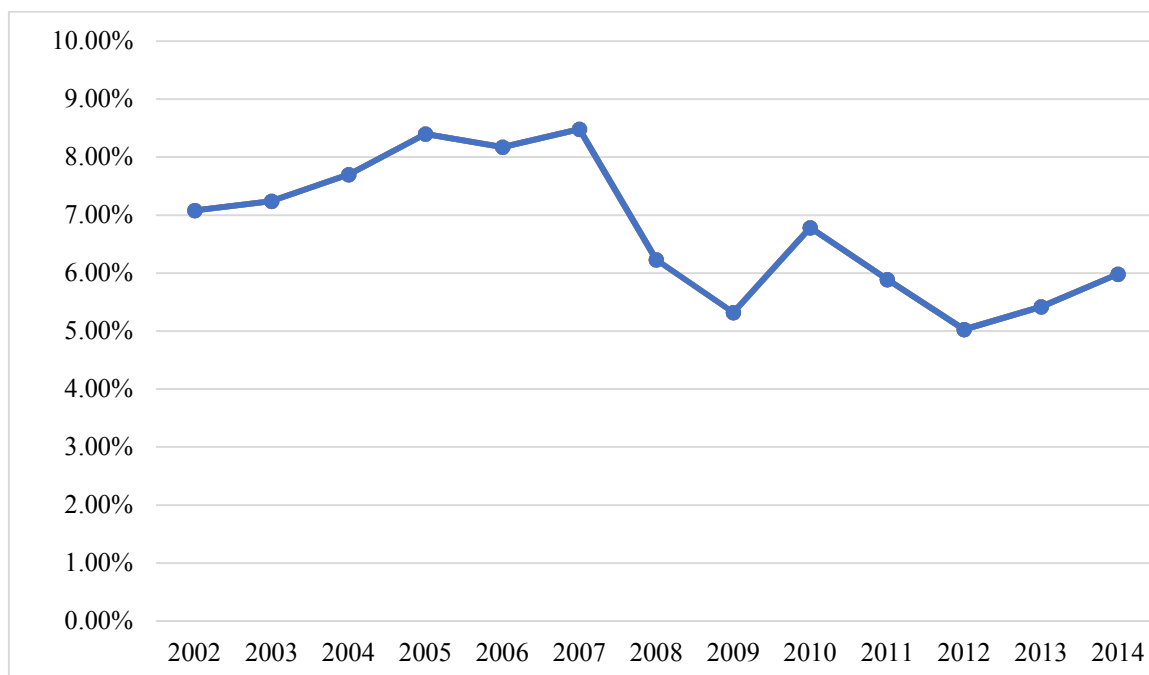
1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Biểu 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm 2002 – 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam năm 2014 đã khả quan hơn so với 2013. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê. GDP năm 2014 đạt 5,98%, cao hơn mục tiêu là 5,8% của Quốc hội đưa ra, cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng chịu tác động của tốc độ tăng trưởng GDP và trong dài hạn tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng tương quan thuận với tốc độ tăng trưởng GDP trong toàn nền kinh tế. Trong giai đoạn nền kinh tế đi vào suy thoái tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng sẽ lớn và ngược lại. Nguyên nhân sự tương quan bất nguồn từ việc trong giai đoạn suy thoái Chính phủ sẽ tăng chi tiêu bằng việc thực hiện chính sách tài khoá. Về cơ bản các gói kích cầu từ chính sách tài khoá đều thúc đẩy tăng đầu tư xây dựng cơ bản. Chi đầu tư xây dựng cơ bản liên tục tăng lên. Năm 2002, chi xây dựng cơ bản là 40.740 tỷ đồng đến năm 2013, chi cho xây dựng cơ bản là 196.348 tỷ đồng. Điều này phản ánh bản chất nền kinh tế Việt Nam vẫn thuộc nhóm nền kinh tế đang phát triển, chi tiêu đầu tư xây dựng cơ bản là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng dài hạn nền kinh tế.

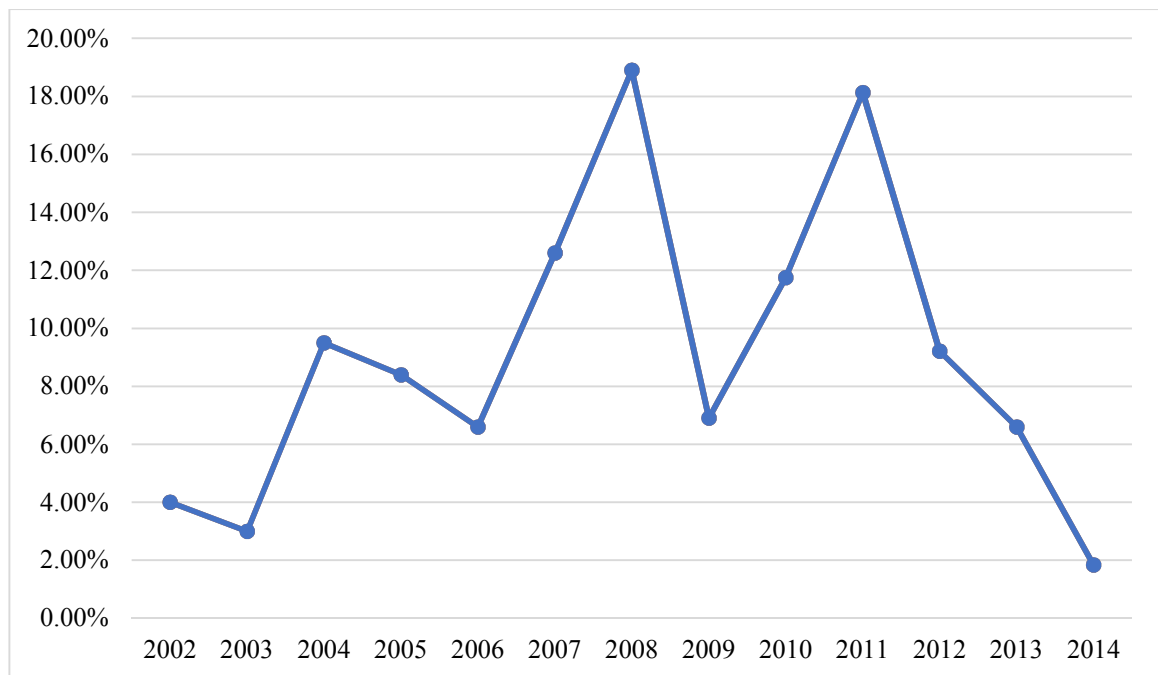
Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2015 được dự báo tốt do tiêu dùng phục hồi nhờ lạm phát thấp trong năm 2014 sẽ giúp cải thiện sức mua, đầu tư tư nhân cải thiện do môi trường kinh tế vĩ mô cùng với những cải cách thể chế sẽ tạo dựng niềm tin của doanh nghiệp, khả năng thu hút đầu tư nước ngoài cao hơn với triển vọng TPP được kí kết trong năm 2015. Do đó, Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia dự báo tốc độ tăng trưởng quý I/2015 sẽ là 5,4%, cao hơn cùng kì 2014. Xu hướng này sẽ tiếp tục trong các quý tiếp theo và mục tiêu tăng trưởng 6,2% cả năm 2015.

Việc điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty nói riêng.

1.2 Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát.

Biểu 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm 2002 - 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong giai đoạn 2002 – 2014, tỷ lệ lạm phát qua các năm luôn không ổn định. Diễn hình năm 2008 lạm phát tăng mức cao nhất trong giai đoạn 2002 - 2012 lên đến 18,9% gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm. Với các chính sách điều hành sát sao của Chính phủ theo định hướng thắt chặt chính sách tiền tệ - tài khóa đã kiểm soát được lạm phát, đưa mức lạm phát về mức 9,21% trong năm 2012, 6,60% trong năm 2013 đặc biệt lạm phát giảm chỉ còn 1,84% năm 2014. Mức lạm phát thấp nhất trong vòng hơn 10 năm trở lại đây.

Hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, thi công như Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty

luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

1.3 Lãi suất

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2014 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 9 – 10%/năm.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4 Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Do vậy các biến động tỷ giá hối đoái sẽ làm thay đổi chi phí sản xuất (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào

trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2 Rủi ro khoản phải thu khó đòi

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan,... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

3.3 Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt phát hành này, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 dự kiến chào bán thêm 4.250.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:85 với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, phát hành thêm 500.000 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu là 10:1 (tương ứng tỷ lệ tạm ứng cổ tức 10%) và chào bán 250.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên trong Công ty theo chương trình ESOP với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch của cổ phiếu SCI trên thị trường bình quân trong tháng 1 năm 2015 là 11.000 đồng/cổ phiếu. Như vậy, nếu thị trường chứng khoán tiếp tục có những diễn biến ổn định và phục hồi trong thời gian tới thì Công ty sẽ hạn chế được rủi ro do cổ đông từ chối thực hiện quyền mua.

Tuy nhiên do cổ phiếu của Công ty đang được đăng ký giao dịch trên UPCOM nên khả năng thanh khoản của cổ phiếu Công ty không cao và trong trường hợp thị trường bất ngờ có diễn biến xấu và đi xuống, có khả năng giá cổ phiếu SCI sẽ xuống dưới vùng giá này khiến các cổ đông có thể không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Trong trường hợp đó, ĐHĐCĐ Công ty đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty được quyền xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn thời gian chào bán nếu thấy cần thiết.

Trong trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư. Số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Kế hoạch sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán của Công ty như sau:

Bảng 01: Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

STT	Kế hoạch sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ các hợp đồng đã ký kết	10.000.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động để triển khai các hợp đồng đã ký kết	40.000.000.000
	Tổng cộng	50.000.000.000

Công ty dự kiến sử dụng 10 tỷ đồng từ số vốn thu được từ đợt chào bán để đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ các hợp đồng đã ký kết. Với việc đầu tư này, Công ty có thể gặp rủi ro sau này phát sinh trong quá trình vận hành máy móc thiết bị tại các điều kiện thời tiết và địa lý khác nhau; hoặc đầu tư không đúng loại máy móc thiết bị cần thiết để phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với việc phân bổ và sử dụng vốn để bổ sung nguồn vốn lưu động sau khi tăng vốn, Công ty có thể gặp rủi ro về việc cân đối nguồn lực tài chính trong trường hợp sử dụng vốn không đúng mục đích. Để khắc phục tình trạng đó, HĐQT Công ty đã xây dựng kế hoạch giám sát chặt chẽ nguồn vốn và mục đích sử dụng vốn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến là 100%, thu về số vốn dự kiến là 50.000.000.000 đồng. Trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, phần vốn còn thiếu, Công ty dự kiến sẽ vay ngân hàng và/hoặc các đối tác chiến lược để thực hiện các nội dung trong kế hoạch sử dụng vốn.

5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share) và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần, (ii) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iii) giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

(i) Về EPS và giá trị sổ sách

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty, cụ thể như sau:

- Thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS:

$$\text{Công thức tính: EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$$

- Số lượng cổ phần đang lưu hành của SCI (1): 5.000.000
 - Số lượng cổ phần phát hành thêm của SCI (2): 5.000.000
 - Tỷ lệ số cổ phần phát hành thêm/số cổ phần đang lưu hành 100%
 - Số lượng cổ phần lưu hành dự kiến (3)=(1)+(2): 10.000.000 sau khi phát hành
 - Số lượng cổ phần lưu hành bình quân năm 2015: 7.500.000
(4)={ (1) + (3) }/2
 - Lợi nhuận sau thuế năm 2015 dự kiến (đồng) (5): 14.040.000.000
 - EPS trước khi chào bán (6)=(5)/(1): 2.808 đồng/cổ phiếu
 - EPS sau khi chào bán (7)=(5)/(4): 1.872 đồng/cổ phiếu
 - Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần
- Công thức tính:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – Tài sản vô hình}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{66.701.633.971}{5.000.000} \\ &= 13.340 \text{ (đồng/cổ phần)} \end{aligned}$$

Tại thời điểm 31/12/2014, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 13.340 đồng. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp

hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

(ii) Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông có).

(iii) Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, giá thị trường của cổ phiếu SCI sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = [PR_{t-1} + (I1 \times PR1) + (I2 \times PR2)] / (1 + I1 + I2) = [13.000 + (0,85 \times 10.000) + (0,1 \times 0)] / (1 + 0,85 + 0,1) = 11.025 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trong đó:

- P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.
- PR_{t-1} : 13.000 đồng/cổ phiếu (Giá giả định của SCI tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền).
- $I1$: là tỷ lệ vốn tăng theo phát hành quyền mua cổ phiếu ($I1 = 0,85$)
- $PR1$: 10.000 đồng/cổ phiếu (giá chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu chào bán thêm).
- $I2$: Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ phiếu trả cổ tức ($I2 = 0,1$)
- $PR2$: 0 đồng/cổ phiếu (giá cổ phiếu tính cho người được nhận cổ tức bằng cổ phiếu)

6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc quy mô vốn của công ty tăng nhanh dự kiến từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng năm 2015 – 2016.

6.1 Rủi ro về quản trị Công ty

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Ban Giám đốc, Hội đồng

Quản trị, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Chủ trương của Công ty khi tăng vốn là phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên. Nhưng do tỷ lệ thực hiện quyền cao (tỷ lệ 100:85) nên khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết là điều có thể xảy ra.

Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Sự tham gia của các cổ đông mới sẽ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu, xuất hiện những quan điểm khác biệt trong quản trị điều hành và có thể phát sinh các xung đột lợi ích dẫn đến việc quản trị điều hành Công ty gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

6.2 Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề sản xuất kinh doanh truyền thống. Việc tăng vốn lên gấp 2 lần từ 50 tỷ lên 100 tỷ đồng sẽ tạo nên những áp lực lớn hơn, đòi hỏi Công ty có thể phải điều chỉnh định hướng hoạt động và mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh để đem lại hiệu quả tương ứng với quy mô vốn mới. Khi đó, Công ty có thể gặp rủi ro trong quá trình triển khai hoạt động do cơ chế quản lý cũ không theo kịp với yêu cầu phát triển mới. Điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và sự phát triển của Công ty trong tương lai.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Ông Nguyễn Công Hùng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Công Tuấn Chức vụ: Giám đốc

Bà Trần Thị Len Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Ông Trần Kim Sơn Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Hồng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán IB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
Công ty	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
SCI	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
TTCK	Thị trường chứng khoán
Giấy CNĐKKD	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
BKS	Ban kiểm soát
CTCP	Công ty cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐVT	Đơn vị tính
VNĐ	Việt Nam Đồng

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 theo quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 với mục đích thay đổi, mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 là một trong những thành viên của Công ty cổ phần Sông Đà 9, chuyên về thi công cơ giới các công trình thủy điện, nhiệt điện, giao thông, công trình công nghiệp, dân dụng và các công trình khác. Kế thừa và phát huy truyền thống, kinh nghiệm thi công từ Công ty cổ phần Sông Đà 9, Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã và đang được sự tín nhiệm cao từ các tổng thầu, chủ đầu tư lớn: Tổng công ty Sông Đà, Công ty cổ phần Sông Đà 9, các chủ đầu tư thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, Ban quản lý các dự án đường thủy nội địa Phía Bắc (PMU-NIW), Bộ Giao thông vận tải.

Với mục đích thay đổi, mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, lấy xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng kỹ thuật làm lĩnh vực hoạt động chính, Công ty chủ trương hoàn thiện bộ máy tổ chức, thành lập chi nhánh thành viên, các đội trực thuộc tham gia sâu rộng vào tiến trình xây dựng hiện đại đổi mới trên mọi miền tổ quốc.

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9
Tên viết tắt:	SICCO
Tên tiếng Anh:	SONGDA 9 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính:	Tầng 5, Tòa nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Giấy CNĐKKD: 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 27/01/2015

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Vốn thực góp: 50.000.000.000 đồng

Điện thoại: (+84-4) 33868243

Fax: (+84-4) 33868243

Website: www.sicco.com.vn; www.sicco.vn

Email: info@sicco.com.vn

Logo:



Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 27/01/2015, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

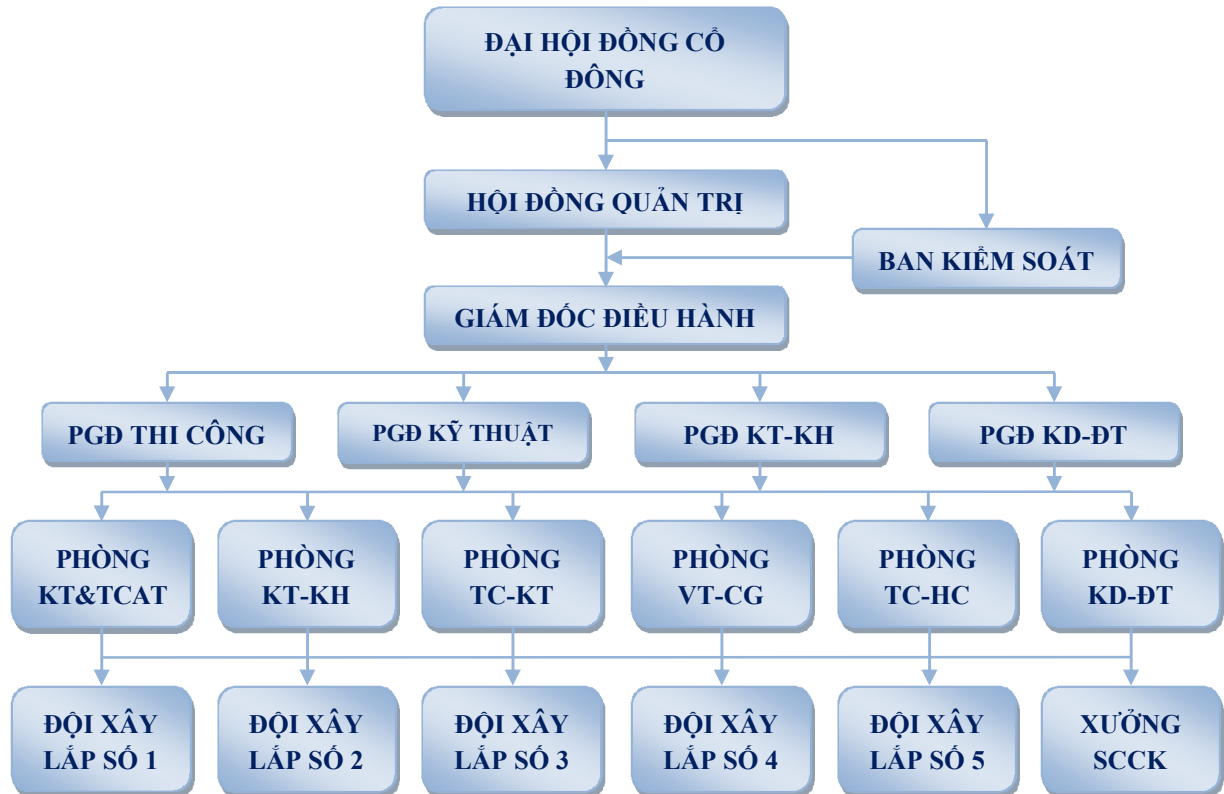
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa

nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.

- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Sản xuất , truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện.
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm).
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



3. Bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế

hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

Ông Nguyễn Công Hùng	-	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Công Tuấn	-	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lương Thanh Tùng	-	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Chính Đại	-	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Trần Nhân Nghĩa	-	Thành viên Hội đồng quản trị

3.3. Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; trong ghi chép của sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

Bà Trần Thị Len	-	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phan Thanh Hải	-	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Quản Thanh Sơn	-	Thành viên Ban kiểm soát

3.4. Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm:

Ông Hoàng Công Tuấn	-	Giám đốc - người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Chính Đại	-	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hưng	-	Phó giám đốc
Ông Lê Công Viên	-	Phó giám đốc

3.5. Các phòng ban, đội

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty:

Bảng 02: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 08/01/2015

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Đào Gia Thắng	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	361.500	7,23
2	CTCP Chứng khoán IB	Tầng 8, 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	250.000	5
Tổng cộng:			611.500	12,23

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 gồm có:

Bảng 03: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Ông Nguyễn Đăng Lanh	Phòng 206 H4 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội		40.000	400.000.000	0,8
2	Ông Nguyễn Công Hùng	P.1012 CT3B, KĐT Văn Quán, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội.		50.000	500.000.000	1,0
3	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội		2.550.000	25.500.000.000	51,0
Tổng cộng:				2.640.000	26.400.000.000	52,8

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã đi vào hoạt động từ ngày 31/05/2010 và căn cứ vào quy định tại điều 84, khoản 5, Luật Doanh nghiệp 2005 thì thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập là ngày 31/05/2013. Như vậy, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông**Bảng 04: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 08/01/2015**

	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn cổ phần (%)
1	Cổ đông tổ chức	01	250.000	5%
	- Trong nước	01	250.000	5%
	- Nước ngoài	0	0	0%
2	Cổ đông cá nhân	344	4.750.000	95%
	- Trong nước	344	4.750.000	95%
	- Nước ngoài	0	0	0%
TỔNG CỘNG		345	5.000.000	100%
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		345	5.000.000	100%
<i>- Nước ngoài</i>		0	0	0%

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Các Công ty mẹ

Không có

5.2. Các Công ty con

Không có

5.3. Các Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

5.4. Các Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, mức vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng. Tuy nhiên tại thời điểm 31/05/2010, vốn thực góp của Công ty là 48.525.500.000 đồng. Quá trình góp vốn của Công ty từ ngày 31/05/2010 như sau:

Bảng 05 : Quá trình góp vốn điều lệ

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
31/05/2010	-	48.525.000.000	83 cổ đông
31/05/2011	200.000.000	48.725.000.000	Cổ đông hiện hữu góp thêm
11/11/2011	270.000.000	48.995.000.000	Cổ đông hiện hữu góp thêm
12/11/2011	200.000.000	49.195.000.000	Cổ đông hiện hữu góp thêm
16/03/2012	300.000.000	49.495.000.000	Cổ đông hiện hữu góp thêm
24/04/2012	505.000.000	50.000.000.000	Cổ đông hiện hữu góp thêm
Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000	83 cổ đông

Đến ngày 24/04/2012 mức vốn thực góp của Công ty là 50.000.000.000 đồng.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Lĩnh vực hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

❖ Sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu đến từ các hoạt động này.

▪ **Lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi**

Công ty đã tham gia xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu, thủy điện Xêkaman 3, thủy điện Trung Sơn, thủy điện Nậm Khánh, Kè và chinh trị Sông Hồng và Sông Ninh Cơ, Nhiệt điện Long Phú, Nhiệt điện Vũng Áng, ... với các sản phẩm chủ yếu là: đập đầu mối; một số hạng mục công trình của tuyến năng lượng; khai thác mỏ vật liệu trong phạm vi công trình phục vụ cho xây lắp; hệ thống đường giao thông nội bộ công trường; tuyến ống áp lực của một số công trình thủy điện nhỏ... Tỷ trọng giá trị sản lượng và doanh thu của lĩnh vực này ước chiếm khoảng 70 - 80% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

▪ **Lĩnh vực giao thông**

Các công trình giao thông mà Công ty đảm nhận thi công bao gồm: Công trình đường giao thông bên Lào; Hệ thống đường thi công thuộc Công trình thủy điện Lai Châu và thủy điện Trung Sơn; ... Tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 7-10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

▪ **Sản xuất cơ khí**

Sản xuất kinh doanh điện, sản xuất các cấu kiện cơ khí phi tiêu chuẩn. Ước tính tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 5 - 7% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty, bao gồm: Đường ống áp lực Thủy điện Nậm Khánh, đường ống áp lực thủy điện Nậm Ngần, cầu Bailey công trình Trung Sơn, cầu Bailey công trình Hủa Na, nhà xưởng Nhà máy xi măng Hạ Long...

▪ **Các lĩnh vực khác**

Dịch vụ kinh doanh vật tư sắm lắp Đà Nẵng, kinh doanh khác, chiếm tỷ trọng khoảng 3 - 10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

6.2. Cơ cấu doanh thu

Hoạt động kinh doanh tạo doanh thu chính của Công ty là xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp. Ngoài ra, các lĩnh

vực sản xuất kinh doanh khác như: Sản xuất cọc dự ứng lực, kinh doanh sắm lớp ... cũng góp phần đáng kể vào doanh thu hàng năm của Công ty.

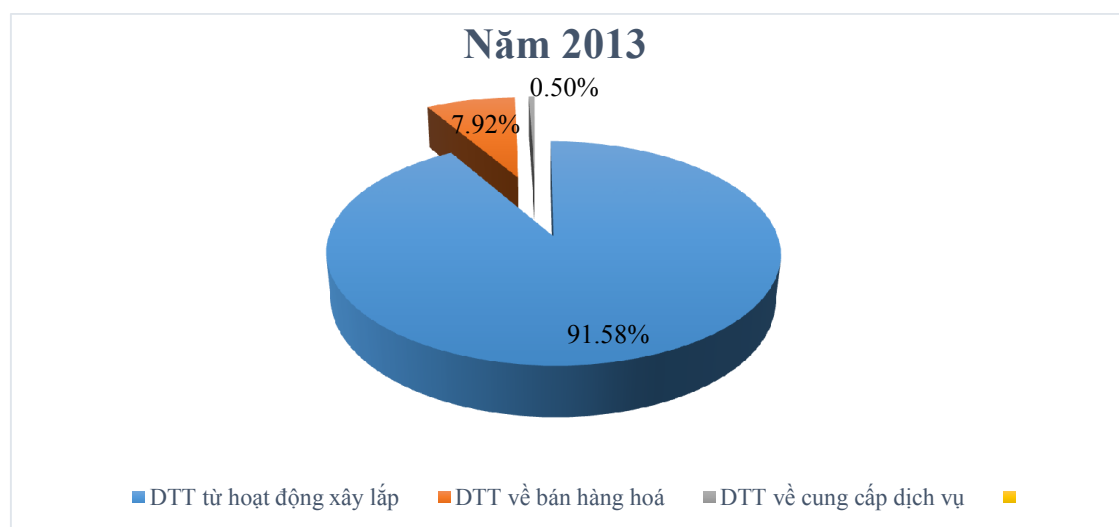
Bảng 06: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2013-2014:

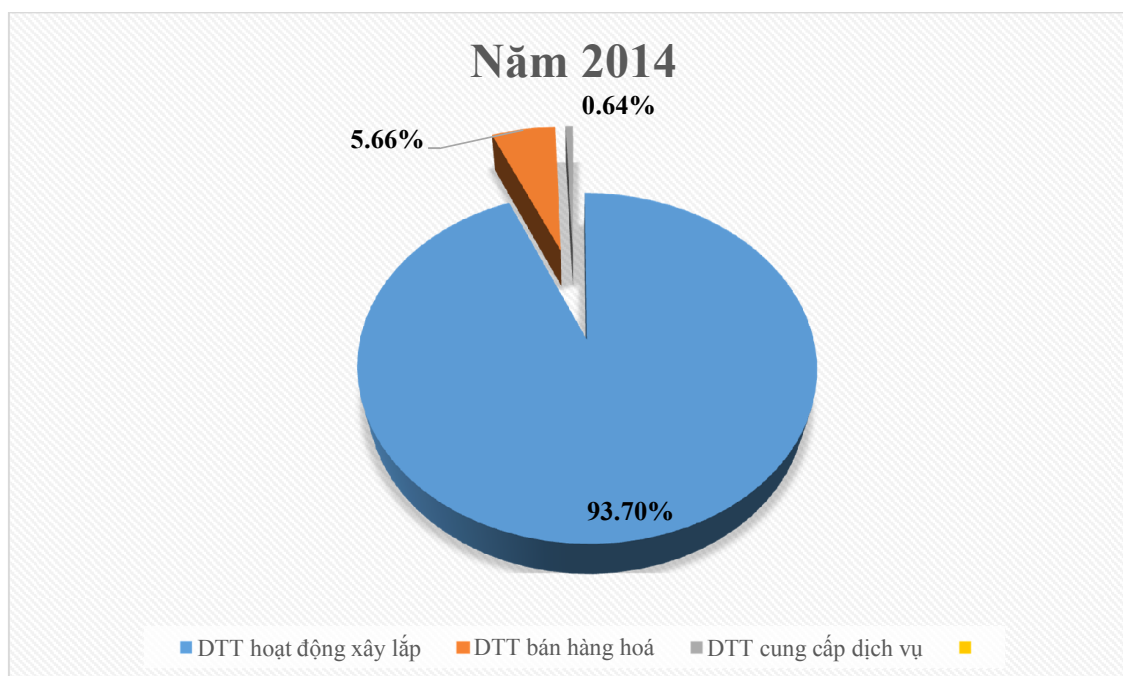
Đơn vị: Nghìn đồng

Sản phẩm dịch vụ	Năm 2013		2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
DTT hoạt động xây lắp	168.394.541	91,58%	205.174.781	93,7%
DTT bán hàng hóa	14.561.381	7,92%	12.403.640	5,66%
DTT cung cấp dịch vụ	915.140	0,50%	1.388.403	0,64%
Tổng cộng	183.871.062	100,00%	218.966.824	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của Công ty

Cơ cấu doanh thu năm 2013, 2014





7.3. Doanh số Công ty giai đoạn 2013 – 2014:

Bảng 07: Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế 2013, 2014

DVT: VNĐ

Khoản mục	2013	2014	% tăng giảm
Doanh thu thuần	183.871.062.825	218.966.824.436	19,09%
Lợi nhuận sau thuế	6.715.245.345	8.142.876.894	21,26

BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của Công ty

7.4. Chi phí sản xuất

Quản trị chi phí sản xuất là vấn đề mà Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 quan tâm nhất trong quá trình hoạt động của mình. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Do đó chi phí chủ yếu của Công ty là các chi phí: Chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Bảng 08: Cơ cấu chi phí của Công ty và tỷ lệ chi phí/ doanh thu thuần

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị (nghìn đồng)	%/ Doanh thu	Giá trị (nghìn đồng)	%/ Doanh thu
I	Doanh thu thuần	183.871.063		218.966.824	
II	Chi phí	174.984.212	95,16%	205.312.845	93,76%
1	Giá vốn hàng bán	158.815.411	86,37%	185.299.097	84,62
2	Chi phí tài chính	6.202.927	3,37%	6.573.899	3%
3	Chi phí bán hàng	93.867	0,05%	174.045	0,08%
4	Chi phí quản lý	9.872.007	5,37%	13.265.804	6,06%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của Công ty

Do hoạt động kinh doanh chính của SCI thuộc lĩnh vực xây dựng, nên các chi phí về nguyên, nhiên vật liệu đầu vào sản xuất thường rất lớn. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty là giá vốn hàng bán, bình quân 2 năm khoảng 85,5% so với doanh thu thuần.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí chiếm tỷ trọng lớn thứ hai so với doanh thu thuần, bình quân 2 năm 2013 và 2014 là 5,7%. Chi phí tài chính lại có xu hướng giảm so với doanh thu thuần, giảm từ 3,37% năm 2013 xuống 3% năm 2014.

7.5. Trình độ công nghệ

Do nhu cầu phát triển của Công ty, thị trường mở rộng với khối lượng thi công lớn, Công ty đã đầu tư thiết bị thi công xây lắp dây chuyền đào đắp và vận chuyển cụ thể như sau:

Bảng 09: Danh sách máy móc thiết bị của Công ty

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích
I	Ô tô					
1	Xe ô tô Hyundai tải ben	HD 270	05	Hàn Quốc	2010	15tấn/10m ³
2	Xe ô tô Hyundai tải ben	HD 270	05	Hàn Quốc	2011	22tấn/15m ³
3	Xe ô tô HOWO tải ben	HOWO 371	05	Trung Quốc	2014	24 tấn
4	Xe ô tô HOWO tải ben	HOWO 371	05	Trung Quốc	2012	24 tấn
5	Xe Cửu Long		01	Việt Nam	2013	3,45 tấn
6	Xe Cửu Long		02	Việt Nam	2014	3,45 tấn
II	Máy đào					
1	Máy đào bánh xích KobelCo	SK 250 - 8	02	Nhật Bản	2010	1,2 m ³
2	Máy đào bánh xích KobelCo	SK 330 - 8	02	Nhật Bản	2010	1,6 m ³
3	Máy đào bánh xích KobelCo	SK 330 - 8	02	Nhật Bản	2014	1,6 m ³

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích
4	Máy xúc lật	ZL 30E	01	Trung Quốc	2012	1,7 m3
5	Máy xúc lốp	DOOSAN	01	Hàn Quốc	2013	0,8 m3
6	Máy đào bánh xích Komatsu	PC 210 - 6E	01	Nhật Bản	1999	0,8 m3
III	Máy lu					
1	Máy lu rung	XCMG XS142J	03	Trung Quốc	2011	14 tấn
2	Máy lu rung	SAKAI SV 620D	01	Indonesia	2014	12 tấn
IV	Máy ủi					
1	Máy ủi XCMG	DT 140B	01	Trung Quốc	2011	
2	Máy ủi shantui	SD16L	03	Trung Quốc	2011	
V	Cần cẩu					
1	Cần cẩu bánh xích	LS118 - RHII	01	Nhật Bản	1985	50 tấn
2	Cần cẩu tự hành	KC 3577	01	Nga	2001	15 tấn

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/dung tích
VI	Máy san					
1	Máy san Mitsubishi	MG 150	01	Nhật Bản	1980	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9)

Sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại xe Hyundai HD270 sở hữu chất lượng toàn cầu và những tính năng nổi bật. Yêu cầu về khả năng vận hành mạnh mẽ trên mọi địa hình của dòng xe ben nặng được đáp ứng bởi động cơ diesel 340Ps và 380Ps có hệ thống tăng áp làm mát khí nạp. Với hệ thống phanh tang trống hai dòng kết hợp phanh đỗ dẫn động bằng khí nén, hệ thống treo bằng nhíp lá kết hợp thanh cân bằng và hệ thống giảm xóc cabin, Hyundai HD270 bảo đảm độ an toàn và vận hành êm trên những địa hình phức tạp nhất.

7.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- ❖ Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO), là uy tín, danh dự để Công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng. Đồng thời, xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

❖ Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty:

Để đảm bảo các công trình thi công xây dựng đạt chất lượng, tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo các công trình thi công không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng dẫn đến thiệt hại về người và tài sản. Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo ISO nhằm mục tiêu kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng quy định, quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008.

Cơ cấu Ban chỉ đạo ISO bao gồm:

- Trưởng ban: 01 người là Phó giám đốc công ty
- Phó trưởng ban: 02 người là Trợ lý giám đốc và Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính
- Thư ký: 01 người là Phó phòng Tổ chức hành chính
- Ủy viên: 05 người là các trưởng phó phòng của các phòng ban: Cơ giới vật tư, Kinh doanh đấu thầu, Kinh tế kế hoạch, Kiểm tra chất lượng thi công an toàn, Tài chính kế toán.

7.7. Hoạt động Marketing

Nhận thức được vai trò của công tác thị trường, Công ty chú trọng đẩy mạnh hoạt động marketing, dựa vào thị trường để đưa ra quyết định đầu tư, nhằm chiếm lĩnh thị phần tiêu thụ sản phẩm khi dự án đi vào hoạt động. Đặc biệt, Công ty hướng tới khách hàng là Tổng Công ty Sông Đà và các Tập đoàn, Tổng Công ty lớn khác.

Công ty chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tiếp thị đấu thầu, đồng thời yêu cầu cán bộ làm công tác marketing luôn phải cập nhật các thông tin mới. Bên cạnh đó, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện cho cán bộ tiếp thị đấu thầu, bộ phận làm hồ sơ thầu, bộ phận nghiên cứu thị trường và lập dự án đầu tư phát triển cho Công ty.

7.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh và bản quyền sáng chế

Biểu tượng lô gô của Tổng Công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/2/2005.

7.9. Các hợp đồng đang thực hiện hoặc đã được ký kết***Bảng 10: Danh sách các hợp đồng lớn***

STT	Tên Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Trị giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	Thi công cải tạo đường sông Ninh Cơ – Nam Định	10/12/2013	204,4	8/2014 đến 12/2015	Thi công	CTCP Sông Đà 9
2	Thi công nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào tại tỉnh Huaphan - Lào	11/03/2014	107	9/2014 đến 2/2015	Thi công	CTCP Xây dựng dịch vụ và Thương mại 68
3	Thi công một phần hạng mục Công trình Dự án khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên	20/09/2013	100	10/2013 đến 12/2015	Thi công	CTCP Licogi 13
4	Thi công gói thầu San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực Dự án Sân phân phối 500KV, 220KV Trung tâm điện lực Long Phú	28/5/2014	34,5	9/2014 đến 2/2015	Thi công xây dựng	Ban quản lý dự án Điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu
5	Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01,	12/11/2014	67,3	12/2014 đến 10/2016	Thi công	CTCP Sông Đà 5

STT	Tên Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Trị giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
	XD02, XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê					
6	Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+ 800 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km 1265 + 00 đến Km 1353 +300 tỉnh Phú Yên	10/12/2013	61.3	01/2014 đến 06/2015	Thi công	CTCP Sông Đà 9
	Tổng cộng		574,5			

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9)

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

* Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 11: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	198.304.884.30	274.380.682.356	38,36%
Doanh thu thuần	183.871.062.82	218.966.824.436	19,09%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.021.445.937	13.705.930.214	51,92%
Lợi nhuận khác	106.211.221	(2.534.613.187)	- 2.486,39%
Lợi nhuận trước thuế	9.127.657.158	11.171.317.027	22,39%
Lợi nhuận sau thuế	6.715.245.345	8.142.876.894	21,26%
EPS	1.343	1.629	21,29%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của Công ty

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm đều có sự cải thiện rõ rệt, với mức tăng doanh thu thuần, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của năm 2014 đều tăng đáng kể so với kết quả thu được trong năm 2013.

Giá trị tổng tài sản năm 2014 tăng so với năm 2013 chủ yếu là sự tăng lên của các khoản phải thu và hàng tồn kho, trong khi đó tiền và các khoản tương đương tiền lại giảm đi.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a) Những thuận lợi

Lợi thế cạnh tranh của SCI so với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng là chất lượng sản phẩm và tiến độ bàn giao công việc đúng thời hạn cùng các giải pháp tư vấn kỹ thuật.

Hiện SCI có một đội ngũ cán bộ kỹ sư, công nhân có trình độ, có tay nghề cao và đang được chuyên nghiệp hóa để có thể ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào sản xuất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và chủ đầu tư.

Sự đoàn kết nhất trí, tâm huyết của HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty cùng với việc tổ chức ổn định bộ máy quản lý điều hành của Công ty sẽ đảm bảo cho việc điều hành hoạt động hiệu quả và chủ động sáng tạo trong công việc.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 cũng tăng cường mối quan hệ hợp tác với các đối tác có ngành nghề tương đồng để tận dụng kinh nghiệm, lợi thế thương hiệu và cơ sở khách hàng.

b) Những khó khăn

Kinh tế thế giới và trong nước vẫn đang trong tình trạng khó khăn, thị trường bất động sản và xây dựng không ổn định, chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tính cạnh tranh trên thị trường xây dựng đang ngày càng tăng khi các công ty lớn nước ngoài vào Việt Nam và một số công ty lớn từ miền Nam bắt đầu mở rộng thị trường ra miền Bắc gây áp lực cạnh tranh đặc biệt là cạnh tranh về giá cả. Ngoài ra, giá cả các loại nguyên vật liệu có xu hướng tăng, làm tăng chi phí hoạt động, dẫn đến

giá thành sản phẩm tăng tương ứng và hệ quả tất yếu sẽ làm giảm lợi nhuận hoạt động của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tiền thân là Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà trực thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 9. Giai đoạn đầu mới thành lập, sản lượng, doanh thu của Công ty chủ yếu từ việc gia công, chế tạo các cấu kiện cơ khí cho các Công ty, xí nghiệp trong nội bộ Công ty cổ phần Sông Đà 9. Sự kiện Công ty được cổ phần hóa và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần vào tháng 6/2010 là một mốc quan trọng trong sự phát triển của Công ty.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty đã mạnh dạn mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, chú trọng vào phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, thủy điện, thủy lợi, nhiệt điện, từng bước chuyển dần một phần tỷ trọng xây lắp sang thương mại, dịch vụ và đầu tư. Với sự nỗ lực, sáng tạo không ngừng của Ban lãnh đạo công ty và sự cố gắng của tập thể nhân viên, Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã có sự phát triển mạnh mẽ, từng bước khẳng định được vị thế của mình trong cộng đồng các doanh nghiệp xây dựng và định hình được thương hiệu SICCO đối với các chủ đầu tư.

Các dự án do Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 thi công luôn được đánh giá cao về chất lượng, tiến độ và tác phong chuyên nghiệp trong công việc như: Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A - đoạn Phú Yên; Dự án nhà máy thủy điện Lai Châu, Dự án nhà máy thủy điện Trung Sơn; Dự án nhiệt điện Vũng Áng, Dự án thủy điện Hòa Na, Nhà máy nhiệt điện Long Phú; Dự án khai thác mỏ Núi Pháo.

9.2. Triển vọng phát triển ngành

Trong thời gian qua, ngành công nghiệp xây dựng ở nước ta đã đạt được một số kết quả nhất định. Tăng trưởng GDP do nhóm ngành công nghiệp - xây dựng vẫn giữ được tốc độ cao hơn tốc độ tăng GDP của toàn bộ nền kinh tế (năm 2011 tăng 6,68% so với mức tăng 6,24% GDP của toàn nền kinh tế, năm 2012 tăng 5,75% so với mức tăng 5,25% GDP của toàn nền kinh tế, năm 2013 tăng 5,5% so với 5,4% GDP của

toàn nền kinh tế). Công nghiệp xây dựng đã thu hút một lượng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm tỷ trọng khá lớn và có xu hướng tăng dần (năm 2010 chiếm 41,3%, năm 2011 chiếm 42,9%, năm 2012 chiếm 43,9%).

Nhóm ngành này cũng thu hút lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm tỷ trọng lớn nhất. Tính từ năm 1988 đến tháng 7/2013, lượng vốn FDI của các dự án còn hiệu lực đầu tư vào nhóm ngành công nghiệp xây dựng đạt trên 138,3 tỷ USD, chiếm khoảng 62,2% tổng số, trong đó riêng công nghiệp chế biến đạt 116,4 tỷ USD, chiếm trên 52,3% tổng số và xây dựng đạt trên 10 tỷ USD chiếm gần 5%.

Đầu tư khu vực Nhà nước và đầu tư FDI chiếm trên 60% giá trị xây dựng của nền kinh tế, vì thế những cam kết tăng vốn đầu tư từ hai khu vực này là tín hiệu tích cực cho thấy dòng tiền sẽ quay trở lại với ngành xây dựng.

Giai đoạn 2014 - 2015, xây dựng hạ tầng công nghiệp được đánh giá là trọng tâm của ngành xây dựng bởi hai lý do sau:

Việt Nam sẽ là điểm đến cho các nhà sản xuất lớn trên thế giới. Chi phí lao động ở Trung Quốc tăng lên, trong khi đó chi phí lao động ở Việt Nam là tương đối rẻ so với các nước Đông Nam Á. Vì vậy các tập đoàn lớn đang có xu hướng chuyển cơ sở sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam. Thêm vào đó, với lợi thế về vị trí địa lý nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, gần đường hàng hải quốc tế, cùng với nền chính trị ổn định, Việt Nam đang dần trở thành một lựa chọn hàng đầu để đầu tư.

Mảng xây dựng hạ tầng, đặc biệt là xây dựng cầu đường, sẽ nhận được đầu tư lớn trong giai đoạn 2014 - 2015. Theo thống kê của tổ chức BMI (Business Monitor International), xây dựng cầu đường hiện chiếm trên 50% tổng giá trị cơ sở hạ tầng ở Việt Nam, trong đó có đến 40% hệ thống đường bộ đang trong tình trạng xuống cấp cần được đầu tư để cải tạo. Theo kế hoạch của Bộ Giao thông Vận tải, giai đoạn 2014 - 2020 nước ta sẽ huy động khoảng 960.000 tỷ đồng ngoài ngân sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Như vậy trong 5 - 6 năm tới sẽ có một lượng tiền lớn chảy vào lĩnh vực xây dựng hạ tầng, cùng với đó là những dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách được khởi động lại chắc chắn sẽ giúp cho ngành xây dựng sôi động hơn trong năm 2015. Với những dấu hiệu bước đầu cho thấy sự phục hồi của nền kinh tế, cùng với việc thu hút được lượng lớn các nguồn vốn đầu tư, ngành Công nghiệp - xây dựng

với vai trò là đầu tàu của nền kinh tế sẽ đi đầu trong việc phục hồi và phát triển trong thời gian tới.

(Nguồn: Theo Business Monitor International)

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Hiện tại Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đang triển khai thi công một số công trình, hạng mục công trình thuộc lĩnh vực giao thông và hạ tầng kỹ thuật: Công trình xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 tỉnh Phú Yên, Kè và bảo vệ luồng Cửa sông Ninh Cơ, Kè bảo vệ Nhật Tân - Sông Hồng, Bãi thải xỉ - Nhiệt điện Long Phú, ... Trong thời gian tới, Công ty sẽ tham gia nhiều hơn nữa trong các dự án phát triển giao thông và hạ tầng kỹ thuật.

Theo định hướng chiến lược phát triển của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 giai đoạn 2011÷2015 đã và đang được thực hiện, Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 lấy thi công xây lắp, thi công cơ giới các công trình thủy lợi, thủy điện làm cơ sở, nền tảng để phát triển, mở rộng ra xây lắp các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật. Sự phát triển, phục hồi của nền kinh tế nói chung đang bắt đầu trở lại với sự phát triển của ngành công nghiệp - xây dựng, đi đầu là sự phát triển về giao thông và hạ tầng kỹ thuật. Với nhiều dự án phát triển giao thông cả đường bộ và đường thủy đang được triển khai thi công; với quy hoạch phát triển giao thông vận tải cả đường thủy và đường bộ đến năm 2020 và định hướng phát triển đến 2030 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 353, 356 ngày 25/02/2013, sự phát triển theo định hướng đã được đề ra của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 bước đầu đã đi đúng hướng và có tiềm năng, triển vọng phát triển mạnh trong những năm tiếp theo.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2014 là 317 người với cơ cấu như sau:

Bảng 12: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2014

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Phân loại theo giới tính		
1	Lao động Nam	271	85,49
2	Lao động Nữ	46	14,51
	Tổng cộng	317	100,00
	Phân theo trình độ		
1	Trên đại học	03	0,95
2	Đại học	93	29,34
3	Cao đẳng	12	3,79
4	Trung và sơ cấp	26	8,20
5	Công nhân kỹ thuật	150	47,32
6	Công nhân lao động	33	10,40
	Tổng cộng	317	100,00
	Phân chia theo loại hình lao động		
1	Cán bộ quản lý	34	10,73
2	Lao động trực tiếp	183	57,73
3	Lao động gián tiếp	100	31,54
	Tổng cộng	317	100,00

*Nguồn: SCI***10.2. Chính sách đối với người lao động****a. Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng

với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

c. Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

10.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động (Quy chế ESOP)

10.3.1. Mục đích của chương trình ESOP

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Giữ chân và thu hút lãnh đạo cao cấp.

- Gắn kết hiệu quả lao động của CBCNV với lợi ích chung và sự phát triển của toàn Công ty.
- Tạo động lực thúc đẩy tăng hiệu quả làm việc của người lao động.

10.3.2. Đối tượng và tiêu chuẩn tham gia:

- Là toàn bộ người lao động có tên trong bảng lương của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đến ngày 31/12/2014.

10.3.3. Quyền lợi khi tham gia chương trình:

Các thành viên tham gia chương trình ESOP sẽ được các quyền lợi sau:

- Được quyền mua cổ phiếu chào bán.
- Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông theo quy định trong Quy chế ESOP.
- Trường hợp thành viên ESOP vi phạm các quy định, quy chế của Công ty sẽ lập tức bị thu hồi lại quyền mua cổ phiếu chào bán của chương trình ESOP.

10.3.4. Phân phối cổ phiếu ESOP

Ban điều hành ESOP công khai danh sách xét chọn các thành viên tham gia chương trình ESOP.

Cách tính cổ phiếu được quyền mua của mỗi thành viên ESOP như sau:

- Số cổ phiếu được quyền mua được tính dựa trên tiêu chí đó là thời gian làm việc đến ngày 31/12/2014.

$$CP = \frac{T \times PH}{ST}$$

Trong đó:

- CP: Số cổ phiếu được quyền mua và được làm tròn đến hàng đơn vị.
- T: thời gian làm việc đến 31/12/2014 (đơn vị tính: ngày)
- PH: số cổ phiếu dự kiến phát hành theo chương trình ESOP (CP = 250.000)

- ST: tổng số thời gian làm việc đến 31/12/2014 của toàn bộ người lao động tham gia chương trình ESOP (đơn vị tính: ngày)

Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế quy định các hệ số để phân phối quyền mua cổ phiếu cho người lao động.

Số cổ phiếu còn dư do cán bộ công nhân viên không đăng ký mua hết do Hội đồng quản trị Công ty quyết định phân phối cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

10.3.5. Các trường hợp bị thu hồi quyền mua cổ phiếu

Thành viên ESOP sẽ bị bãi nhiệm tư cách thành viên và bị thu hồi toàn bộ quyền mua cổ phiếu nếu:

- CBCNV chuyển công tác;
- CBCNV vi phạm kỷ luật Công ty;
- Riêng trường hợp CBCNV nghỉ hưu trí đúng tuổi thì không bị thu hồi;
- Trường hợp CBCNV nghỉ hưu trước tuổi, qua đời, Ban điều hành ESOP sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định cho thành viên đó hoặc người thừa kế theo luật định hưởng các quyền lợi của cổ phiếu trong chương trình ESOP.

10.3.6. Tạm ngừng, kết thúc ESOP

Nếu Công ty quyết định tạm ngưng ESOP, các nguồn đóng góp, hỗ trợ cho chương trình sẽ chấm dứt, nhưng chương trình vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi thành viên tham gia cuối cùng đã được xét chọn nhận đầy đủ quyền mua số cổ phiếu được chào bán theo chương trình.

Khi chương trình ESOP kết thúc, tất cả những thành viên ESOP được hưởng toàn quyền sở hữu cổ phiếu đã được phân phối và các lợi ích khác liên quan trong năm kết thúc chương trình.

10.3.7. Ban điều hành ESOP:

Ban điều hành ESOP do HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm, có trách nhiệm lựa chọn đối tượng tham gia, phân phối, theo dõi và điều hành toàn bộ hoạt động của chương trình ESOP cho đến khi kết thúc chương trình.

10.3.8. Thời gian của chương trình ESOP:

Chương trình sẽ thực hiện từ quý 1 năm 2015 cho đến khi kết thúc chương trình hoặc đến khi Đại hội đồng cổ đông Công ty có quyết định khác.

10.3.9. Nguồn cổ phiếu cho chương trình ESOP:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán theo chương trình ESOP: 250.000 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 2.500.000.000 đồng
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 2.500.000.000 đồng.
- Loại cổ phiếu áp dụng cho chương trình ESOP là cổ phiếu phổ thông. Thời gian hạn chế chuyển nhượng của từng trường hợp cụ thể sẽ được Ban điều hành ESOP xem xét và trình Hội đồng Quản trị quyết định.

10.3.10. Triển khai thực hiện:

Bước 01: Ban điều hành ESOP căn cứ Quy chế ESOP để lựa chọn CBCNV đủ điều kiện đăng ký tham gia ESOP.

Bước 02: Tuyên truyền chính sách ESOP đến tất cả các cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Bước 03: Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu theo chương trình ESOP của Công ty.

Bước 04: Đánh giá lại kết quả thực hiện của từng cá nhân người lao động tham gia chương trình cũng như hiệu quả của chương trình ESOP mang lại để trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời nhằm mang lại hiệu quả tối ưu của chương trình.

10.3.11. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế ESOP:

- Theo sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT là cơ quan cao nhất có quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế ESOP cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Khi có quy định của pháp luật liên quan đến chương trình cổ phiếu chào bán cho người lao động trong Công ty thì Quy chế ESOP sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp.

11. Chính sách cổ tức

- ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.
- Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
- Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

- Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo và các tài liệu khác.

Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất:

- Năm 2013 tuy Công ty hoạt động có lãi nhưng để tạo điều kiện cho CBCNV phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm 2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua việc không trả cổ tức năm 2013 mà trích một phần lợi nhuận vào các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi để phục vụ chi cho các mục đích khen thưởng – phúc lợi trong năm 2014 và phần còn lại chưa phân phối chuyển sang năm tiếp theo.
- Năm 2014, theo kế hoạch đưa ra, Công ty sẽ trả cổ tức 15%. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29/01/2015 của Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 500.000 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu là 10:1 (tương ứng tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 10%). Tỷ lệ cổ tức còn lại và hình thức chi trả sẽ được Hội đồng quản trị Công ty trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 quyết định.

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2014: 50.000.000.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2014: 66.701.633.971 đồng.
- Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng các quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

❖ Trích khấu hao tài sản cố định:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 15 – 40 năm

- Máy móc, thiết bị 03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải 04 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng 03 – 08 năm

❖ **Mức lương bình quân**

Bảng 13: Mức lương bình quân

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
1	Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.142.000	7.500.000

Nguồn: CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và năm 2014, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế Công ty thực hiện trong năm 2013, 2014 như sau:

Bảng 14: Các khoản phải nộp

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
Thuế GTGT	6.012.937.033	913.214.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.360.104.181	2.819.655.670
Thuế thu nhập cá nhân	719.772.018	994.579.111
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	286.759.450	286.759.450
Các loại thuế khác	5.190.507	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	238.196.705	2.620.419.329
Tổng cộng	11.622.959.894	7.639.818.764

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 của Công ty

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mức trích lập hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 15: Số dư các quỹ*ĐVT: Đồng*

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1	Quỹ đầu tư phát triển	1.980.820.415	2.621.244.950
2	Quỹ dự phòng tài chính	592.852.248	913.064.515
	Tổng cộng	2.573.672.663	3.534.309.465

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của Công ty❖ **Tổng dư nợ vay**

Tình hình dư nợ vay của Công ty trong thời gian vừa qua như sau:

Bảng 16: Tổng dư nợ vay*ĐVT: Đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	Lãi suất
Vay và nợ ngắn hạn		56.639.879.150	86.445.241.996	
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	49.881.731.594	71.986.699.591	Hạn mức: 80 tỷ đồng. Lãi suất được xác định cụ thể trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại Hợp đồng
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đông Anh	-	6.378.150.405	Hạn mức: 10 tỷ đồng. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp
3	Cá nhân	2.820.105.556	-	
4	Vay dài hạn đến hạn trả	3.938.042.000	8.080.392.000	
Vay và nợ dài hạn		10.780.755.776	12.435.003.776	

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	Lãi suất
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	9.217.697.776	9.859.287.776	Lãi suất được xác định cụ thể trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại Hợp đồng
2	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hùng Vương	1.563.058.000	521.016.000	Lãi suất được xác định cụ thể trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại Hợp đồng
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đông Anh	-	1.847.500.000	Lãi suất được xác định cụ thể trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại Hợp đồng
4	Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	207.200.000	Lãi suất được xác định cụ thể trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại Hợp đồng
Tổng cộng		67.420.634.926	98.880.245.772	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của Công ty

Đến thời điểm hiện tại, tất cả các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều đã được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến thời hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ kịp thời.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- **Các khoản phải thu**

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
Các khoản phải thu ngắn hạn		83.411.196.826	111.560.206.050
1	Phải thu khách hàng	79.279.332.399	106.234.469.109
2	Trả trước cho người bán	1.588.017.005	3.765.814.401
4	Các khoản phải thu khác	3.148.615.821	2.164.690.939

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(604.768.399)	(604.768.399)
Tổng cộng		83.411.196.826	111.560.206.050

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của Công ty.

- Các khoản phải trả

Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
Nợ ngắn hạn		128.153.031.821	195.244.044.609
1	Vay và nợ ngắn hạn	56.639.879.150	86.445.241.996
2	Phải trả người bán	24.000.309.804	35.791.913.683
3	Người mua trả tiền trước	23.250.431.908	48.855.307.235
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	11.622.959.894	7.639.818.764
5	Phải trả người lao động	7.600.511.721	9.519.736.721
6	Chi phí phải trả	155.580.812	4.220.819.602
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.653.881.828	2.187.245.277
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	229.476.704	583.961.331
Nợ dài hạn		10.780.755.776	12.435.003.776
1	Vay và nợ dài hạn	10.780.755.776	12.435.003.776
Tổng cộng		138.933.787.597	207.679.048.385

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của Công ty

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,2	1,07
(Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,83	0,68
(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	70,06	75,69
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	234,01	311,36
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	3,15	2,97
(Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)			
+ Vòng quay tổng tài sản:	Vòng	0,93	0,8
(Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,65	3,72
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,31	12,21
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	3,39	2,97
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,91	6,62
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	1.343	1.629

Nguồn: Được tính toán dựa trên thông tin của BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của Công ty

Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty năm 2014 giảm so với năm 2013. Khả năng thanh toán giảm do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng nhanh. Hàng tồn kho năm 2014 tăng gấp hơn 1,6 lần hàng tồn kho năm 2013.

Cơ cấu vốn

Năm 2013 và năm 2014, Công ty duy trì mức vay nợ khá cao. Nợ chiếm hơn 70% trong tổng nguồn vốn của Công ty. Do đặc thù của lĩnh vực thi công xây dựng nên tài chính Công ty phụ thuộc tương đối vào vay nợ và các khoản chiếm dụng của bên thứ ba.

Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản năm 2014 giảm so với năm 2013, do hàng tồn kho tăng nhanh và tốc độ tăng của tổng tài sản lớn hơn so với tốc độ tăng của doanh thu.

Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2014 nhìn chung đều tăng so với năm 2013.

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**13.1. Hội đồng quản trị*****Bảng 20: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty***

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	1978	017389016
Hoàng Công Tuấn	Thành viên HĐQT	1977	017533043
Lương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	1978	012863658
Nguyễn Chính Đại	Thành viên HĐQT	1978	013025232
Trần Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT	1982	162255654

13.1.1. Ông Nguyễn Công Hùng – Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 21/08/1978

Nơi sinh: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị

CMND: 017389016

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: P1012, CT3B, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
2004 ÷ 2005	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 909
2005 ÷ 2009	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 909 kiêm Giám đốc Xí nghiệp 1
2009 ÷ 5/2010	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 1.
05/2010 ÷ 17/04/2014	Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
18/04/2014 đến 15/01/2015	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
16/01/2015	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Chủ tịch HĐQT CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: *Không*

Số cổ phiếu nắm giữ *137.100 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: *0 cổ phần*

+ Cá nhân sở hữu: *137.100 cổ phần*

Các cam kết nắm giữ (nếu có): *Không có*
 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: *Không có*
 Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

13.1.2. Ông Hoàng Công Tuấn – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành

Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 17/03/1977
 Nơi sinh: Nghệ An
 CMND: 017533043
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
2004 ÷ 2009	Phó Giám Đốc Xí Nghiệp I – Công ty Cổ phần Sông Đà 909
2010 ÷ 15/01/2015	Phó Giám Đốc– CTCP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9
16/01/2015 đến 28/01/2015	Giám đốc CTCP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9
05/2010 ÷ 17/04/2014	Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
29/01/2015 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: *Không*

Số cổ phiếu nắm giữ: *10.000 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: *0 cổ phần*

+ Cá nhân sở hữu: *10.000 cổ phần*

Các cam kết nắm giữ (nếu có): *Không có*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: *Không có*

Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*

Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

13.1.3. Ông Lương Thanh Tùng – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22/7/1978

Nơi sinh: Hoà Bình

CMND: 012863658

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 27, ngõ 154, phố Phương Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng + Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ tháng 8/2001 đến tháng 4/2002	Chuyên viên phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà

Từ tháng 4/2002 đến tháng 10/2004	Phó phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.
Từ tháng 10/2004 đến tháng 10/2009	Trưởng phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà
Từ tháng 10/2009 đến tháng 7/2010	Phó tổng giám đốc Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà
Từ tháng 4/2010 đến tháng 7/2010	Kiểm nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.
Từ tháng 8/2010 đến 28/01/2015	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long
Từ tháng 29/01/2010 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long kiêm Thành viên HĐQT CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Thành viên HĐQT CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long

Số cổ phiếu nắm giữ

245.800 cổ phần

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:

245.800 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Không có

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

13.1.4. Ông Nguyễn Chính Đại – Thành viên HĐQT

Giới tính:

Nam

Ngày sinh:

21/4/1978

Nơi sinh:

Phú xuyên, TP. Hà Nội

CMND: 013025232

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 11, tổ 31, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
2001 ÷ 2003	Kỹ sư giám sát Công ty Liên doanh xây dựng quốc tế VIC
2003 ÷ 2004	Trưởng phòng Kỹ thuật CTCP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội
2004 ÷ 2007	Phó giám đốc Xí nghiệp 1- Công ty cổ phần Sông đà 909
2007 ÷ 2009	Giám đốc BQL Dự án Nhà máy thủy điện Phình Hồ - Công ty cổ phần Sông đà 909
2009 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc - CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phiếu nắm giữ 20.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 20.000 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

13.1.5. Ông Trần Nhân Nghĩa – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/02/1982

Nơi sinh: Nam Định

CMND: 162255654

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Hải Toàn, Hải Hậu, Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
2005 ÷ 2008	Phó ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp 1 - Công ty cổ phần Sông Đà 909
2009 ÷ 5/2010	Trưởng ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp 1 - Công ty cổ phần Sông Đà 909
6/2010 ÷ 17/04/2014	TP. Kinh tế kế hoạch CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
18/04/2014 ÷ 09/05/2014	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
10/05/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Đội trưởng Đội xây lắp số 1 CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Thành viên Hội đồng quản trị, Đội trưởng Đội xây lắp số 1 CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại Không có
các tổ chức khác:

Số cổ phiếu nắm giữ 5.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.2. Ban Kiểm soát

Bảng 21: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Trần Thị Len	Trưởng Ban kiểm soát	1984	036184000332
2	Quản Thanh Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	1984	111769145
3	Phan Thanh Hải	Thành viên Ban kiểm soát	1984	040084000004

13.2.1. Bà Trần Thị Len – Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 29/8/1984

Nơi sinh: Nam Định

CMND: 036184000332

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phòng 1803CT1B1 đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 6/2006 đến 03/2008	Kế toán tổng hợp Cty TNHH Đại Lâm
Từ 03/2008 đến 02/2014	Kế toán tổng hợp Cty CP Sông Đà 5
Từ 02/2014 đến tháng 09/2014	Kế toán tổng hợp Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện
Từ 06/2014 đến nay	Thành viên BKS Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện Miền Trung
Từ 02/2015 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thành viên BKS Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện Miền Trung, Phó Kế toán trưởng Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện

Số cổ phiếu nắm giữ

0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Không có

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

13.2.2. Ông Quản Thanh Sơn – Thành viên BKS

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 11/10/1984

Nơi sinh: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội

CMND: 111769145

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
2008 ÷ 4/2010	CV ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp 1 - CTCP Sông Đà 909
5/2010 ÷ 10/2010	CV phòng Kinh tế Kế hoạch CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
11/2010 ÷ 12/2013	Phó phòng Kinh tế kế hoạch kiêm Đội phó Đội Xây lắp 3 - CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
01/01/2014 ÷ 17/04/2014	Phó phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
18/04/2014 ÷ 14/05/2014	Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Phó phòng Kinh tế kế hoạch - CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
15/05/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

**Thành viên Ban kiểm soát Công ty;
Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch – CTCP
Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Số cổ phiếu nắm giữ

5.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:	5.000 cổ phần
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Không có
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

13.2.3. Ông Phan Thanh Hải – Thành viên BKS

Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	07/01/1984
Nơi sinh:	Quỳ Châu, Nghệ An
CMND:	040084000004
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Ngọc Trục, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
05/2007 ÷ 8/2010	Kỹ sư Công ty TNHH Hệ Thống thông tin FPT
9/2010 ÷ 5/2011	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán - CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
06/2011 ÷ 06/2012	Phó phòng phòng Tổ chức hành chính - CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
07/2012 ÷ 17/04/2014	Đội phó Đội Xây lắp số 1 - Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

18/04/2014 ÷ 18/05/2014	Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Đội phó Đội Xây lắp số 1 - CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
19/05/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Trợ lý giám đốc - CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Trợ lý Giám đốc - CTCP Xây dựng & Đầu tư Sông Đà 9**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ *0 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: *0 cổ phần*

+ Cá nhân sở hữu: *0 cổ phần*

Các cam kết nắm giữ (nếu có): *Không có*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: *Không có*

Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*

Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

13.3. Ban Giám đốc***Bảng 22: Danh sách thành viên Ban Giám đốc***

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Hoàng Công Tuấn	Giám đốc	1977	017533043
2	Nguyễn Chính Đại	Phó Giám đốc	1978	013025232
3	Nguyễn Quang Hưng	Phó Giám đốc	1980	111350501
4	Lê Công Viên	Phó Giám đốc	1984	145106678

13.3.1. Hoàng Công Tuấn – Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (như trên)***13.3.2. Nguyễn Chính Đại – Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (như trên)******13.3.3. Nguyễn Quang Hưng – Phó Giám đốc***

Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 13/11/1980
 Nơi sinh: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
 CMND: 111350501
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Phòng 709, Tầng 7, nhà CT1 B1 Khu đô thị Xa La, Hà Đông, Hà Nội.
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật - Kỹ sư xây dựng
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
03/2003÷12/2003	Chuyên viên phòng Kỹ thuật, Ban điều hành DATĐ Tuyên Quang

2004 ÷ 2009	Trưởng phòng kinh tế kế hoạch - CTCP Sông Đà 909
2010 đến nay	Phó giám đốc - CTCP Xây dựng & Đầu tư Sông Đà 9

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Phó Giám đốc – CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ *10.000 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: *0 cổ phần*

+ Cá nhân sở hữu: *10.000 cổ phần*

Các cam kết nắm giữ (nếu có): *Không có*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: *Không có*

Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*

Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

13.3.4. Lê Công Viên – Phó Giám đốc

Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 05/01/1984
 Nơi sinh: Hưng Yên.
 CMND: 145106678
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 710/VP5/Bán Đảo Linh Đàm - đường Nguyễn
Duy Trinh - Hoàng Liệt - Q. Hoàng Mai - Hà
Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
2007 ÷ 2009	Phụ trách Kinh tế Kế hoạch - Công ty cổ phần Sông Đà 909
2009 ÷ 2010	Phụ trách Kinh tế - Kế hoạch - CTCP Xây lắp dầu khí 1
2010 ÷ 2011	Phụ trách Kinh tế - Đầu tư – CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
2011 ÷ 28/02/2014	Phụ trách kỹ thuật chất lượng – Thi công an toàn – CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
01/03/2014 đến nay	Phó Giám Đốc phụ trách kỹ thuật thi công – CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Phó giám đốc – CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.4. Trần Kim Sơn – Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/10/1978

Nơi sinh: Hòa Bình.

CMND: 011939615

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: P101C-H4, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
2000 ÷ 2001	Nhân viên kế toán - Công ty B.O.T TĐ Cần Đơn, Bình Phước
2002 ÷ 2003	Nhân viên kế toán - Xí nghiệp Sông Đà 906, CTCP Sông Đà 9;
2004 ÷ 2007	Trưởng ban Kế toán Xí nghiệp 1 - CTCP Sông Đà 909
2008 ÷ 2009	Kế toán trưởng CTCP Sông Đà 909
2010 đến nay	Kế toán trưởng - CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Kế toán trưởng – CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ 15.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 15.000 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: *Không có*

Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*

Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

14. Tài sản

Bảng 23 : Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2013

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	69.005.039.215	25.728.385.382	43.276.653.833
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	5.676.052.344	5.545.076.583
2	Máy móc, thiết bị	30.460.702.649	12.743.794.104	17.716.908.545
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	26.995.475.267	7.183.706.628	19.811.768.639
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	327.732.372	124.832.306	202.900.066
Tổng cộng		69.005.039.215	25.728.385.382	43.276.653.833

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 của Công ty

Bảng 24: Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2014

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	92.914.048.823	32.025.847.081	60.888.201.742
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	5.956.580.568	5.264.548.359
2	Máy móc, thiết bị	45.935.782.286	16.090.867.065	29.844.915.221
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	35.429.405.238	9.792.282.626	25.637.122.612
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	327.732.372	186.116.822	141.615.550
Tổng cộng		92.914.048.823	32.025.847.081	60.888.201.742

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

15. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm tiếp theo**Bảng 25: Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm 2015**

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	% tăng giảm so với 2014
1	Vốn chủ sở hữu (nghìn đồng)	66.701.633	117.574.308	76,27%
2	Doanh thu thuần (nghìn đồng)	218.966.824	268.355.455	22,55%
3	Lợi nhuận sau thuế (nghìn đồng)	8.142.877	14.040.000	72,42%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	3,71%	5,23%	1,52%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (%)	12,21%	11,94%	- 0,27%
6	Cổ tức (%)	15%	10%	-5%

15.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015 được Công ty xây dựng dựa trên những hợp đồng sẽ thực hiện trong năm 2015. Cụ thể như sau:

Bảng 26: Danh mục hợp đồng dự kiến thực hiện trong năm 2015

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Giá trị thực hiện trong năm 2015 dự kiến	Sản phẩm	Đối tác
1	Thi công cải tạo đường sông Ninh Cơ – Nam Định	204,4	8/2014 đến 12/2015	45,9	Thi công	CTCP Sông Đà 9
2	Thi công Nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào tại tỉnh Huaphan - Lào	107	9/2014 đến 2/2015	60,5	Thi công	CTCP Xây dựng dịch vụ và Thương mại 68
3	Thi công một phần hạng mục Công trình Dự án khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên	100	10/2013 đến 12/2015	12	Thi công	CTCP Licogi 13
4	Thi công gói thầu San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực Dự án Sân phân phối 500KV, 220KV Trung tâm điện lực Long Phú	34,5	9/2014 đến 2/2015	15,7	Thi công	Ban quản lý dự án Điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu
5	Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu	67,3	12/2014 đến 10/2016	50,1	Thi công	CTCP Sông Đà 5

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Giá trị thực hiện trong năm 2015 dự kiến	Sản phẩm	Đối tác
	XD01, XD02, XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê					
6	Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+ 800 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km 1265 + 00 đến Km 1353 +300 tỉnh Phú Yên	61.3	01/2014 đến 06/2015	48.7	Thi công	CTCP Sông Đà 9
7	Kinh doanh sắm lắp , vật liệu			10	Sắm lắp	
8	Những hạng mục thi công chưa ký hợp đồng nhưng đã đàm phán dự kiến triển khai năm 2015			58	Thi công	
	Tổng cộng	574,5		300,9		

Căn cứ trên giá trị thực hiện các hợp đồng trong năm 2015 của Công ty dự kiến là 300,9 tỷ đồng, Công ty đã xây dựng kế hoạch doanh thu năm 2015 là 268.355.455.000 đồng, kế hoạch lợi nhuận sau thuế là 14.040.000.000 đồng và cổ tức 2015 là 10%. Đây là những chỉ tiêu Công ty có cơ sở để đạt được dựa trên tiến độ, khối lượng và giá trị công việc sẽ thực hiện trong năm 2015.

15.2. Các biện pháp đạt được kế hoạch nêu trên:

❖ Công tác thi công.

Tập trung đẩy mạnh công tác thi công và thu hồi công nợ tại các công trình.

❖ Công tác đầu tư

Cân đối năng lực xe máy thiết bị hiện có và nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại.

❖ Công tác tiếp thị, đấu thầu

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2015 và các năm tiếp theo.
- Nắm tình hình, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc dự án lớn: Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực Đồng bằng Bắc bộ, Nam bộ, các dự án về giao thông khác.
- Tìm kiếm các công việc tại các dự án nhiệt điện lớn như: Nhiệt điện Long Phú; Thái Bình; Sông Hậu...
- Có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với Chủ đầu

tu...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình chuẩn bị thực hiện.

❖ **Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp**

- Bổ sung vốn điều lệ, tăng cường năng lực tài chính và kiện toàn nhân sự HDQT, BKS.
- Hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu và tăng cường công tác truyền thông với phương châm “Kiến tạo giá trị - Vị thế nâng tầm”. Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và cải tiến thường xuyên nâng cao tính hiệu lực của Hệ thống này.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng theo chuyên ngành nhằm giải quyết tốt các nghiệp vụ phát sinh; củng cố và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường và hồ sơ dự thầu các công trình đặc biệt là công trình giao thông.
- Đánh giá, thực hiện công tác định biên nhân sự và luân chuyển cán bộ để tạo nguồn cho các năm tiếp theo.
- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành các mục tiêu tiên bộ trên các công trình đang thi công.
- Theo dõi, đánh giá việc áp dụng quy chế trả lương mới nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất.
- Xây dựng cảm nang điều hành cho toàn bộ các lĩnh vực liên quan trong và ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

❖ **Công tác Kinh tế – Kỹ thuật – Tài chính kế toán:**

- Quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc về việc giám sát thi công.
- Bám sát chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các vướng mắc về thiết kế, biện pháp thi công, dự toán để đẩy nhanh tiến độ thu vốn.
- Tập trung triển khai thi công đúng tiến độ các công trình nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra.
- Các phòng thường xuyên kết hợp với các đội trong công tác thanh quyết toán công trình đã và đang thi công.
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời hạch toán bảo đảm phản ánh đúng tình hình, hiệu quả SXKD.

- Thu hồi công nợ: Đẩy nhanh tiến độ thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công. Đôn đốc các đơn vị có liên quan hoàn tất các thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ tại các công trình như Nậm Khánh, Hủa Na, Xekaman 3, ...
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hoạt động và bảo đảm chế độ của mạng lưới an toàn viên. Triển khai kiểm tra việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn trong ngành xây dựng.

❖ **Công tác quản lý vật tư cơ giới**

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty.
- Tiếp tục chấn chỉnh lại công tác chăm sóc bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, thiết bị đúng quy trình quy phạm, đảm bảo kế hoạch sửa chữa lớn xe máy thiết bị.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao kiến thức và kỹ năng vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, đảm bảo năng lực xe, máy đáp ứng được yêu cầu tiến độ thi công.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng xe máy, quyết toán nhiên liệu, sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời khi phát hiện sai sót.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra là có tính khả thi. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH**1. Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông**2. Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu**3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành****3.1. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:** 5.000.000 cổ phiếu

Trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 4.250.000 cổ phiếu
- Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014: 500.000 cổ phiếu
- Chào bán cho CBCNV theo chương trình ESOP: 250.000 cổ phiếu

3.2. Đối tượng phát hành:

- Cổ đông hiện hữu: Là các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền.
- Cán bộ công nhân viên: Cán bộ công nhân viên đủ tiêu chuẩn do Ban điều hành ESOP quyết định.

4. Giá chào bán dự kiến:

- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán cho cán bộ công nhân viên: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá:

Hội đồng Quản trị Công ty ước giá trị sổ sách 1 cổ phần tại thời điểm 31/12/2014 để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

STT	Khoản mục	Giá trị
1	Tổng tài sản tại 31/12/2014 (đồng)	274.351.040.228
2	Nợ phải trả tại 31/12/2014 (đồng)	207.631.158.111
3	Tài sản vô hình tại 31/12/2014 (đồng)	-
4	Số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)	5.000.000
5	Giá trị sổ sách 1 cổ phần tại 31/12/2014 (đồng/cổ phần)	13.344
	{5 = (1-2-3)/4}	

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 29/01/2015 của Công ty

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời, để khuyến khích cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên Hội đồng Quản trị Công ty đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên bằng 74,94% giá trị sổ sách một cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2014, tương đương với 10.000 đồng/cổ phiếu. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị về giá chào bán, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã thống nhất thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và Cán bộ công nhân viên là 10.000 đồng/cổ phiếu bằng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 29/01/2015.

6. Phương thức phân phối

❖ Chào bán cho cổ đông hiện hữu:

Phân phối cho cổ đông hiện hữu 4.250.000 cổ phiếu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ 100:85, cụ thể như sau:

- Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày hưởng quyền sẽ được 01 quyền mua, 100 quyền mua sẽ được mua 85 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán thêm, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 584 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới chào bán thêm tương ứng là $(584:100) \times 85 = 496,4$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới là 496 cổ phiếu.
- Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán - thành viên lưu ký của VSD.
- Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.
- Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định trong thông báo phát hành gửi đến các cổ đông hiện hữu và chỉ chuyển nhượng 01 (một) lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền mua và tự thanh toán tiền chuyển nhượng.

- ❖ Phát hành 500.000 cổ phiếu (tương ứng với 5.000.000.000 đồng tính theo mệnh giá) để tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu:
 - Đối tượng được tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (tỷ lệ tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 10%) (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu và cứ 10 quyền nhận sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ)
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 584 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(584:10) \times 1 = 58,4$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 58 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,4 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.
 - Quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
 - Đặc điểm cổ phiếu được chia: Cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và là cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ tiền mua và không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Nguồn vốn thực hiện: Số tiền 5.000.000.000 đồng lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 trên BCTC năm 2014 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (số liệu nguồn này tại BCTC kiểm toán năm 2014 là: 13.167.324.506 đồng).
- ❖ Chào bán cho Cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP):
 - Phân phối trực tiếp cho các Cán bộ công nhân viên đủ tiêu chuẩn do Ban điều hành ESOP quyết định.
 - Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thành lập Ban điều hành ESOP, xây dựng quy chế chào bán cổ phiếu theo chương trình ESOP và kế hoạch chào bán cụ thể, quy định rõ các tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP, thời gian thực hiện cũng như

các điều kiện ràng buộc về thời gian hạn chế chuyển nhượng, các quyền và nghĩa vụ có liên quan (nếu có) đến cổ phiếu chào bán theo chương trình ESOP, quyết định đối tượng được tham gia chương trình, quyết định, xử lý các vấn đề liên quan đến ESOP và điều chỉnh những thay đổi của Chương trình (nếu có) cho phù hợp với quy định của pháp luật.

- Cán bộ công nhân viên tham gia chương trình ESOP không được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

❖ Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới Trung tâm Lưu ký (TTLK) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để triển khai	D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp	D+2 đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+14

6	Phối hợp cùng TTLK phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+18 đến D+24
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+25 đến D+45
8	TTLK tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa.	D+53
9	TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+54 đến D+64
10	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt phát hành.	D+65
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch/niêm yết bổ sung.	D+67
13	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông chưa lưu ký.	D+67

❖ Đối với cổ phiếu phát hành trả cổ tức: Dự kiến thực hiện ngay sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu SCI ra công chúng, thực hiện đồng thời cùng với danh sách cổ đông được chốt để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.

❖ Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cán bộ công nhân viên:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN	D

2	Xác định danh sách CBCNV được mua	D đến D+14
3	Thông báo phân bổ quyền mua cổ phiếu đến CBCNV	D+18 đến D+24
4	CBCNV đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D+25 đến D+45
5	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho CBCNV	D + 67

8. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Đối với chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành tại thành viên lưu ký đó.
- Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua tại Trụ sở Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9, và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Công ty:
 - Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
 - Số tài khoản: 19910002368368
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hồng Hà

❖ Đối với chào bán cổ phiếu cho CBCNV:

Sau khi nhận được giấy phép phát hành từ UBCKNN, Hội đồng quản trị thông báo đến CBCNV có tên trong danh sách được mua để đăng ký và thực hiện quyền mua cổ phiếu. Thời gian dự kiến để CBCNV thực hiện quyền mua tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày thông báo.

Các CBCNV thực hiện việc đăng ký mua tại Trụ sở Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
- Số tài khoản: 19910002368368
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hồng Hà

❖ Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư của đợt chào bán (nếu có):

- Đối với cổ phiếu phát hành thêm để tạm ứng cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
- Đối với cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP: Toàn bộ số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu các cổ đông và CBCNV không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) sẽ do HĐQT quyết định chào bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và CBCNV (nghĩa là không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Trong trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư. Số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông và chào bán số cổ phiếu đó cho tất cả cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại

Công ty, tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu và chào bán thêm cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình ESOP.

Cổ đông và CBCNV sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu), quyền nhận theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo Nghị định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ “tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng”. Như vậy, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của Công ty.

11. Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng

Quyền mua của cổ đông hiện hữu được phép chuyển nhượng trong thời gian quy định, và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Nghĩa là người nhận chuyển nhượng không được phép chuyển nhượng lại cho người thứ ba.

Đối với cổ đông nhận cổ tức bằng cổ phiếu: quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

Cán bộ công nhân viên tham gia chương trình ESOP không được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác.

12. Các loại thuế có liên quan

Những trình bày tóm tắt về các loại thuế có liên quan dưới đây nhằm mục đích tham khảo và có thể còn thiếu sót các loại thuế khác theo quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần tự nộp thuế theo các quy định của pháp luật.

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Theo Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Thuế thu nhập cá nhân

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân thì nhà đầu tư cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với các thu nhập phát sinh từ đầu tư chứng khoán như sau:

- Thu nhập từ đầu tư vốn: tiền lãi cho vay, lợi tức cổ phần và thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác, kể cả trường hợp góp vốn đầu tư bằng hiện vật, danh tiếng, quyền sử dụng đất, phát minh, sáng chế; trừ thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu Chính phủ.
- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn: thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới hình thức khác.
- Thu nhập từ thừa kế là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, ...
- Thu nhập từ nhận quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp,...

13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
- Số tài khoản: 19910002368368
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hồng Hà

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 29/01/2015, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tiến hành đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ nhằm bổ sung nguồn vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm áp lực huy động vốn từ những nguồn khác, đa dạng hóa nguồn vốn và góp phần mang lại lợi nhuận cho Công ty, gia tăng giá trị và khối lượng cổ phiếu cho các cổ đông.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổng nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành và chào bán cổ phiếu

Bảng 27: Chi tiết nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành và chào bán cổ phiếu

TT	Nội dung	Số cổ phiếu	Giá bán (đồng/cp)	Số tiền (tỷ đồng)	Nguồn thực hiện
1	Chào bán cho cổ đông hiện hữu	4.250.000	10.000	42,5	Thu từ cổ đông hiện hữu
2	Chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP	250.000	10.000	2,5	Thu từ cán bộ công nhân viên
3	Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014	500.000		5	Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 trên BCTC năm 2014 đã kiểm toán của CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9. Số liệu nguồn này trên BCTC là 13.167.324.506 đồng.
	Tổng cộng	5.000.000		50	

Như vậy, số tiền Công ty dự kiến thu được từ đợt chào bán là 45 tỷ đồng. Đây là số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Cán bộ công nhân viên. Còn số tiền 5 tỷ đồng dùng để thực hiện việc tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 trên BCTC năm 2014 đã kiểm toán của Công ty.

2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán là 45 tỷ đồng và số tiền trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 để tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu là 5 tỷ đồng (tổng cộng là 50 tỷ đồng), sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

Bảng 28: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

ĐVT: tỷ đồng

TT	Nội dung	Lấy từ số tiền thu được từ chào bán cho cổ đông hiện hữu và CBCNV	Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014	Cộng
1	Đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ các hợp đồng đã ký kết	10	0	10
2	Bổ sung vốn lưu động để triển khai các hợp đồng đã ký kết	35	5	40
	Tổng cộng	45	5	50

3. Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:**3.1. Kế hoạch đầu tư máy móc, thiết bị**

Công ty dự kiến kế hoạch thực hiện đầu tư thêm máy móc, thiết bị từ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau:

3.1.1. Danh sách dự kiến máy móc, thiết bị đầu tư**Bảng 29: Danh mục dự kiến máy móc, thiết bị đầu tư**

ĐVT: Đồng

TT	Tên xe máy	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Vốn huy động từ nguồn phát hành cổ phiếu (30%)	Vay ngân hàng (70%)
1	Ô tô tải ben Hyundai 15 tấn	1.690.000.000	6	10.140.000.000	3.040.000.000	7.100.000.000
2	Máy xúc Kobelco SK 330	4.000.000.000	3	12.000.000.000	3.600.000.000	8.400.000.000
3	Máy ủi Shantui	2.000.000.000	2	4.000.000.000	1.200.000.000	2.800.000.000

4	Máy lu Sakai	2.000.000.000	3	6.000.000.000	1.800.000.000	4.200.000.000
5	Máy san Mitshubishi	1.200.000.000	1	1.200.000.000	360.000.000	840.000.000
	Tổng cộng			33.340.000.000	10.000.000.000	23.340.000.000

3.1.2. Dự kiến tiến độ thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị

Bảng 30: Dự kiến tiến độ thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị

TT	Nội dung tiến hành	Thời gian	Số tiền cần sử dụng (VND)
1	- Lựa chọn và phê duyệt chi tiết dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, cụ thể về thông số kỹ thuật, của từng loại máy móc thiết bị.	Tháng 05/2014	-
2	-Lập, phê duyệt kế hoạch/hồ sơ đấu thầu. -Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp.	Tháng 05/2014 +Tháng 06/2015	-
3	- Phê duyệt kết quả đấu thầu, thương thảo ký hợp đồng mua máy móc thiết bị, - Chuyển tiền đặt cọc.	Tháng 07/2015	10.000.000.000
4	Thanh toán kinh phí đầu tư/nhận máy móc thiết bị.	Quý III/2015	23.340.000.000
	Cộng		33.340.000.000

3.2. Bổ sung vốn lưu động để triển khai các hợp đồng đã ký kết

Ngoài kế hoạch sử dụng 10 tỷ đồng thu được từ đợt chào bán vào việc đầu tư máy móc thiết bị, Công ty cũng có kế hoạch sử dụng 40 tỷ đồng vào việc bổ sung vốn lưu động để triển khai các hợp đồng đã ký kết, trong đó bao gồm 35 tỷ đồng dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và 5 tỷ đồng trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 để tạm ứng cổ tức năm 2014 cho các cổ đông bằng cổ phiếu.

Bảng 31: Danh mục hợp đồng sẽ thực hiện trong năm 2015

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Giá trị thực hiện trong năm 2015 dự kiến (tỷ đồng)	Sản phẩm	Đối tác
1	Thi công cải tạo đường sông Ninh Cơ – Nam Định	204,4	8/2014 đến 12/2015	45,9	Thi công	CTCP Sông Đà 9
2	Thi công Nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào tại tỉnh Huaphan - Lào	107	9/2014 đến 2/2015	60,5	Thi công	CTCP Xây dựng dịch vụ và Thương mại 68
3	Thi công một phần hạng mục Công trình Dự án khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên	100	10/2013 đến 12/2015	12	Thi công	CTCP Licogi 13
4	Thi công gói thầu San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực Dự án Sân phân phối 500KV, 220KV Trung tâm điện lực Long Phú	34,5	9/2014 đến 2/2015	15,7	Thi công	Ban quản lý dự án Điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu
5	Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01, XD02, XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê	67,3	12/2014 đến 10/2016	50,1	Thi công	CTCP Sông Đà 5
6	Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+ 800 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km 1265 + 00 đến Km 1353 +300 tỉnh Phú Yên	61.3	01/2014 đến 06/2015	48.7	Thi công	CTCP Sông Đà 9

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Giá trị thực hiện trong năm 2015 dự kiến (tỷ đồng)	Sản phẩm	Đối tác
7	Kinh doanh sắm lớp , vật liệu			10	Sắm lớp	
8	Những hạng mục thi công chưa ký hợp đồng, đã đàm phán triển khai trong năm 2015			58	Thi công	
	Tổng cộng	574,5		300,9		

4. Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến :

Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến là 100%. Trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, phần vốn còn thiếu, Công ty dự kiến sẽ vay ngân hàng và/hoặc các đối tác chiến lược để thực hiện các nội dung trong kế hoạch sử dụng vốn.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tổ chức kiểm toán****CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC**

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (+84-4) 38241990

Fax: (+84-4) 38253973

Website: aasc.com.vn

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB**

Trụ sở chính: Tầng 8, 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trung, Hà Nội

Số điện thoại: (84-4) 4456 8888

Fax: (84-4) 3978 5380

Website: <https://ibx.vn>

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29/01/2015, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tiến hành đăng ký phát hành thêm 5.000.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ lên 100 tỷ đồng nhằm bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 4.250.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 100:85 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, phát hành thêm 500.000 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ 10:1 và chào bán cho Cán bộ công nhân viên 250.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch cổ phiếu của Công ty trên thị trường tháng 01 năm 2015 bình quân là 11.000 đồng/cổ phiếu. Với triển vọng thị trường chứng khoán đang có những dấu hiệu phục hồi sau những biến động vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh năm 2014 và kế hoạch kinh doanh năm 2015 khả quan của Công ty, Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty có khả năng thành công trong đợt chào bán.

Số vốn thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng vào việc đầu tư máy móc thiết bị và bổ sung vốn lưu động để triển khai các hợp đồng đã ký kết. Hiện Công ty đã ký được nhiều hợp đồng thi công xây dựng các công trình thủy điện và hạ tầng giao thông với tổng giá trị hợp đồng ký kết khoảng 574 tỷ đồng, trong đó giá trị sản lượng thực hiện trong năm 2015 dự kiến đạt khoảng 300 tỷ đồng. Việc đầu tư thêm máy móc thiết bị nhằm tăng cường năng lực thi công và bổ sung thêm nguồn vốn lưu động nhằm tăng cường năng lực tài chính là hết sức cần thiết để Công ty có đủ năng lực triển khai các hợp đồng đã ký kết với khách hàng, góp phần quan trọng mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty trong các năm tiếp theo.

IX. PHỤ LỤC

1. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh.
2. Điều lệ công ty.
3. Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán của SCI.
4. Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán của SCI.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và đăng ký giao dịch/nhiệm ýết bổ sung cổ phiếu chào bán.
6. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị liên quan đến chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
7. Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
8. Tài liệu liên quan đến việc sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2015

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN CÔNG HÙNG

GIÁM ĐỐC

HOÀNG CÔNG TUẤN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN THỊ LEN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN KIM SƠN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

TỔNG GIÁM ĐỐC 



CAO THỊ HỒNG